

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG**

Số: 23 /2021/CBTT-TTCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Hồng Vân

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố:  Định kỳ     Bất thường     24 giờ     Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công công bố thông tin về Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021 của kiểm toán (theo file đính kèm)

Toàn bộ tài liệu này được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của công ty tại đường dẫn (link) sau: <https://ttchospitality.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.



*Phan Thị Hồng Vân*

# **Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 64

13  
QU

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2021
Bà Phan Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2021
Ông Phan Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thế Vinh  
Ông Phan Thị Hồng Vân

đến ngày 10 tháng 5 năm 2021  
từ ngày 11 tháng 5 năm 2021

Bà Trần Võ Hiếu Thuận được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CTHĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2021.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

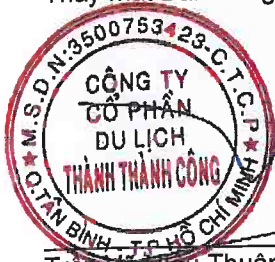
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Văn Triệu Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61454124/22632488/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 64, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**EY**Building a better  
working world**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>665.308.099.947</b>	<b>587.287.319.698</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>14.232.212.831</b>	<b>105.143.522.099</b>
111	1. Tiền		14.232.212.831	105.143.522.099
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>272.000</b>	<b>293.515</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		272.000	293.515
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>636.213.069.540</b>	<b>453.594.999.393</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	148.177.375.752	54.598.848.539
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	171.899.617.597	92.395.825.797
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	66.820.374.000	97.688.400.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	253.171.188.406	212.821.398.772
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.875.568.923)	(3.929.556.423)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	6, 7, 9	20.082.708	20.082.708
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>7.350.979.510</b>	<b>8.298.144.689</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.350.979.510	8.543.231.067
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(245.086.378)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.511.566.066</b>	<b>20.250.360.002</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.210.990.671	2.116.116.219
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	22	5.052.643.567	15.502.709.407
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	247.931.828	2.631.534.376

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.505.313.560.386</b>	<b>1.577.515.987.593</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.723.321.611</b>	<b>54.736.996.755</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	5.254.800.000	49.200.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	5.468.521.611	5.536.996.755
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>950.789.483.189</b>	<b>993.722.373.786</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	725.839.262.280	764.936.607.892
222	Nguyên giá		1.143.565.574.791	1.186.769.710.533
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(417.726.312.511)	(421.833.102.641)
224	2. Tài sản thuê tài chính	13	4.160.750.012	4.405.500.008
225	Nguyên giá		4.895.000.000	4.895.000.000
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(734.249.988)	(489.499.992)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	220.789.470.897	224.380.265.886
228	Nguyên giá		250.007.596.800	250.978.174.940
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.218.125.903)	(26.597.909.054)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>8.056.647.478</b>	<b>40.290.842.042</b>
231	1. Nguyên giá		10.172.267.800	76.239.127.101
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.115.620.322)	(35.948.285.059)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>17</b>	<b>270.672.491.287</b>	<b>260.936.305.542</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		270.672.491.287	260.936.305.542
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>18</b>	<b>207.807.708.066</b>	<b>155.963.276.863</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	141.685.898.066	89.379.737.772
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	66.121.810.000	66.583.539.091
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>57.263.908.755</b>	<b>71.866.192.605</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	39.363.815.889	49.328.046.325
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	2.997.904.622	3.008.218.507
269	3. Lợi thế thương mại	19	14.902.188.244	19.529.927.773
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.170.621.660.333</b>	<b>2.164.803.307.291</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.061.236.496.900</b>	<b>1.015.052.044.658</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>543.269.332.075</b>	<b>454.647.359.361</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	31.761.916.345	41.219.398.470
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	35.002.738.431	20.015.270.070
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	11.025.946.796	7.063.932.923
314	4. Phải trả người lao động		3.647.471.168	7.398.275.774
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	28.210.603.637	22.889.090.185
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	972.077.417	1.254.025.085
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	32.921.704.500	24.091.416.026
320	8. Vay ngắn hạn	26	398.255.916.814	328.521.134.403
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.470.956.967	2.194.816.425
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>517.967.164.825</b>	<b>560.404.685.297</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	12.805.276.668	13.117.756.416
337	2. Phải trả dài hạn khác	25	2.294.200.000	7.532.200.000
338	3. Vay dài hạn	26	472.887.836.015	509.922.292.019
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	29.979.852.142	29.832.436.862
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.109.385.163.433</b>	<b>1.149.751.262.633</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.109.385.163.433</b>	<b>1.149.751.262.633</b>
411	1. Vốn cổ phần	27.1	972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	106.459.866.414	106.459.866.414
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	27.1	18.567.770.000	27.567.770.000
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	21.136.758	48.820.178
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	27.1	6.749.515.451	6.749.515.451
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.1	1.367.003.263	1.367.003.263
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	3.284.089.864	2.807.090.284
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) đến cuối kỳ trước		2.807.090.284	(16.971.961.623)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		476.999.580	19.779.051.907
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27.5	169.701.683	31.985.117.043
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.170.621.660.333</b>	<b>2.164.803.307.291</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

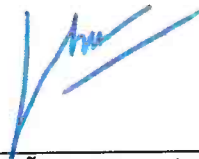
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.649.288.526	252.679.207.055
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(11.450.779)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	131.649.288.526	252.667.756.276
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(129.486.289.353)	(199.364.721.730)
20	6. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.162.999.173	53.303.034.546
21	7. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	89.563.712.070	97.351.893.157
22	8. Chi phí tài chính	30	(37.041.680.708)	(30.931.754.510)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		31.144.014.969	(30.928.692.675)
24	9. Phần lỗ trong công ty liên kết	18.1	(2.139.352.122)	(2.013.779.955)
25	10. Chi phí bán hàng	31	(8.971.763.569)	(9.828.833.792)
26	11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(38.939.564.949)	(50.713.933.477)
30	12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.634.349.895	57.166.625.969
31	12. Thu nhập khác	32	426.018.273	8.771.268.521
32	13. Chi phí khác	32	(1.188.095.608)	(572.898.521)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	32	(762.077.335)	8.198.370.000
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.872.272.560	65.364.995.969
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(3.303.181.556)	(8.857.644.752)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(157.729.165)	315.144.516
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		411.361.839	56.822.495.733
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		476.999.580	55.055.538.157
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(65.637.741)	1.766.957.576

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.4	5	566
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.4	5	566

  
Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

  
Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Võ Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>3.872.272.560</b>	<b>65.364.995.969</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 15, 19	23.105.971.207	31.253.219.964
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(249.073.878)	171.557.766
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(2.406.276)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(87.435.620.119)	(95.366.925.024)
06	Chi phí lãi vay	30	31.144.014.969	30.928.692.675
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(29.562.435.261)</b>	<b>32.349.135.074</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(243.425.276.758)	(76.012.881.933)
10	Giảm hàng tồn kho		1.070.249.191	2.112.963.381
11	Tăng các khoản phải trả		28.078.485.362	23.041.799.699
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		8.450.601.342	(9.096.785.457)
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.100.592.265)	(23.471.794.806)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.977.665.403)	(6.303.220.567)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(269.466.633.792)</b>	<b>(57.380.784.609)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(11.582.900.386)	(179.819.412.305)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		209.249.642	-
23	Tiền chi cho vay		(74.813.226.000)	(38.814.460.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		107.276.452.000	13.473.939.178
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		117.485.589.439	73.185.549.295
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.678.522.076	4.651.196.691
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>143.253.686.771</b>	<b>(127.323.187.141)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	26	344.134.360.764	331.588.373.352
34	Tiền trả nợ gốc vay	26	(308.155.823.361)	(202.646.557.587)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(362.500)	(910.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(676.537.150)	(8.477.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>35.301.637.753</b>	<b>128.932.428.765</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(90.911.309.268)</b>	<b>(55.771.542.985)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>105.143.522.099</b>	<b>68.890.553.650</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	2.406.276
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>14.232.212.831</b>	<b>13.121.416.941</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Trần Võ Hiếu Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 667 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 887).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 11 công ty con và 5 công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	100,00	100,00
3	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và lưu trú	100,00	100,00
4	Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Đang hoạt động	Bất động sản	99,89	99,89
5	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Đang hoạt động	Thương mại, dịch vụ	100,00	100,00
6	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	94,96	94,96
7	Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đỉnh	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	91,41	91,41
8	Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	100,00	100,00
9	Công ty TNHH Lưu hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu hành nội địa và quốc tế	100,00	100,00
10	Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
11	Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Đang hoạt động	Tư vấn quản lý	100,00	100,00
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	49,00	49,00
2	Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và nhà hàng	40,02	40,02
3	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	20,75	20,75
4	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	20,06	20,06
5	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	40,76	40,76



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	12 - 39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 25 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định; và
- ▶ Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ-công ty con (ngoại trừ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung) được phân bổ vào chi phí trong thời gian 10 năm.

▶ Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 trong thời hạn 33 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác*

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CON TRONG KỲ

***Chuyển nhượng vốn góp và mất quyền kiểm soát trong Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình")***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 34,04% quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Thanh Bình cho Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh, một bên liên quan, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 30 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị là 117.950.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 83.886.958.962 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, Nhóm Công ty hiện còn nắm 40,76% quyền sở hữu trong Thanh Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi ngân hàng	13.803.609.045	102.393.115.163
Tiền mặt	421.446.476	2.558.400.321
Tiền đang chuyển	7.157.310	192.006.615
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.232.212.831</b>	<b>105.143.522.099</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	22.818.639.201	49.254.856.473
Ông Võ Hoàng Vinh	7.886.844.000	12.996.844.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	13.200.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	5.500.000.006
Khác	14.931.795.201	17.558.012.467
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	125.358.736.551	5.343.992.066
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>148.177.375.752</b>	<b>54.598.848.539</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(296.452.905)	(346.452.905)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>147.880.922.847</b>	<b>54.252.395.634</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	346.452.905	405.825.857
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	11.945.750
Giảm do thanh lý công ty con	(50.000.000)	-
Số cuối kỳ	296.452.905	417.771.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	152.173.838.597	72.631.946.693
<i>Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Cung (*)</i>	<i>60.000.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần và Kết cấu Thép Đại Tín</i>	<i>57.542.075.340</i>	42.176.407.711
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng</i>		
<i>Toàn Thịnh Phát</i>	<i>10.211.011.043</i>	10.642.166.080
<i>Khác</i>	<i>24.420.752.214</i>	19.813.372.902
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 35</i> )	<u>19.725.779.000</u>	<u>19.763.879.104</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>171.899.617.597</b>	<b>92.395.825.797</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(984.313.460)</u>	<u>(984.313.460)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>170.915.304.137</u></b>	<b><u>91.411.512.337</u></b>

(\*) Đây là khoản trả trước liên quan đến việc nhận chuyển nhượng Khách sạn Hoàng Cung theo Hợp đồng đặt cọc ký ngày 26 tháng 1 năm 2021 và Phụ lục số 1 ký ngày 25 tháng 3 năm 2021.

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>66.820.374.000</b>	<b>97.688.400.000</b>
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 35</i> )	50.320.000.000	52.220.000.000
Các bên khác	16.500.374.000	45.468.400.000
<i>Bà Triệu Phi Yến</i>	<i>16.500.374.000</i>	<i>39.940.000.000</i>
<i>Bà Lovia Huang</i>	-	5.528.400.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.254.800.000</b>	<b>49.200.000.000</b>
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 35</i> )	900.000.000	49.200.000.000
Bà Lovia Huang	<u>4.354.800.000</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>72.075.174.000</u></b>	<b><u>146.888.400.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>66.820.374.000</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	37.720.000.000	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 đến ngày 23 tháng 6 năm 2022	10,8
Bà Triệu Phi Yến	16.500.374.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2022 đến ngày 8 tháng 5 năm 2022	10,6
<i>Khoản cho vay 1</i>	<i>16.500.000.000</i>		
<i>Khoản cho vay 2</i>	<i>374.000</i>	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	10,8
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	12.600.000.000	Ngày 11 tháng 8 năm 2021	10,8
<b>Dài hạn</b>	<b>5.254.800.000</b>		
Bà Lovia Huang	4.354.800.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	1,5
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	900.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>72.075.174.000</u></b>		

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>253.171.188.406</b>	<b>212.821.398.772</b>
Ký quỹ	176.195.500.000	171.028.500.000
Tạm ứng cho nhân viên	57.579.810.724	29.905.414.056
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 35</i> )	9.631.353.390	2.935.139.859
Lãi tiền gửi, tiền cho vay phải thu	2.012.460.827	1.145.148.496
Khác	7.752.063.465	7.807.196.361
<b>Dài hạn</b>	<b>5.468.521.611</b>	<b>5.536.996.755</b>
Ký quỹ	5.468.521.611	5.536.996.755
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>258.639.710.017</b>	<b>218.358.395.527</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.594.802.558)	(2.598.790.058)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>256.044.907.459</u></b>	<b><u>215.759.605.469</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	2.598.790.058	2.431.537.069
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.987.500)	-
Số cuối kỳ	<u>2.594.802.558</u>	<u>2.431.537.069</u>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Nguyên vật liệu	4.070.313.744	4.443.008.930
Hàng hóa	1.898.928.581	2.217.728.728
Công cụ, dụng cụ	780.673.416	1.255.004.985
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	560.868.963	572.313.371
Thành phẩm	40.194.806	55.175.053
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.350.979.510</b>	<b>8.543.231.067</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(245.086.378)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>7.350.979.510</u></b>	<b><u>8.298.144.689</u></b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng hàng tồn kho:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	245.086.378	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	159.612.016
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(245.086.378)	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>159.612.016</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.210.990.671</b>	<b>2.116.116.219</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.258.403.635	1.038.353.561
Chi phí sửa chữa	395.532.696	309.707.750
Chi phí bảo hiểm	296.290.178	562.697.678
Khác	260.764.162	205.357.230
<b>Dài hạn</b>	<b>39.363.815.889</b>	<b>49.328.046.325</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.538.312.581	18.046.291.678
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	11.000.000.000	14.000.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận	7.106.773.207	7.896.414.679
Chi phí sửa chữa	4.012.778.427	4.198.863.334
Chi phí quyền sử dụng đất	3.659.136.572	3.668.638.327
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi	661.148.135	734.609.033
Khác	385.666.967	783.229.274
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.574.806.560</u></b>	<b><u>51.444.162.544</u></b>

(\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-HĐ ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	952.665.508.592	146.499.189.850	62.407.964.107	7.388.453.431	17.808.594.553	1.186.769.710.533
Mua trong kỳ	440.292.680	235.035.120	-	-	125.265.455	800.593.255
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	176.880.037	-	-	-	97.890.000	274.770.037
Thanh lý	-	(662.351.510)	(933.622.000)	-	-	(1.595.973.510)
Giảm do thanh lý công ty con	(29.846.841.059)	(9.463.174.909)	(1.667.296.620)	(833.949.228)	(580.516.305)	(42.391.778.121)
Xóa sổ	-	-	(291.747.403)	-	-	(291.747.403)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	923.435.840.250	136.608.698.551	59.515.298.084	6.554.504.203	17.451.233.703	1.143.565.574.791
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	22.626.361.436	44.872.682.799	3.893.929.156	852.892.718	7.071.742.256	79.317.608.365
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	278.440.186.397	99.175.177.209	27.651.845.765	5.513.545.254	11.052.348.016	421.833.102.641
Khấu hao trong kỳ	10.803.903.955	2.708.118.054	2.573.208.514	190.346.988	1.416.300.113	17.691.877.624
Thanh lý	-	(536.323.080)	(912.569.224)	-	-	(1.448.892.304)
Giảm do thanh lý công ty con	(9.768.839.856)	(7.983.809.859)	(1.002.884.012)	(721.978.015)	(580.516.305)	(20.058.028.047)
Xóa sổ	-	-	(291.747.403)	-	-	(291.747.403)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	279.475.250.496	93.363.162.324	28.017.853.640	4.981.914.227	11.888.131.824	417.726.312.511
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	674.225.322.195	47.324.012.641	34.756.118.342	1.874.908.177	6.756.246.537	764.936.607.892
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	643.960.589.754	43.245.536.227	31.497.444.444	1.572.589.976	5.563.101.879	725.839.262.280
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 26)	338.725.127.564	8.626.021.335	2.683.163.210	-	-	350.034.312.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

VND

*Phương tiện vận tải*

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>4.895.000.000</u>
---	----------------------

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	489.499.992
-------------------------------	-------------

Khấu hao trong kỳ	<u>244.749.996</u>
-------------------	--------------------

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>734.249.988</u>
------------------------------	--------------------

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>4.405.500.008</u>
-------------------------------	----------------------

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>4.160.750.012</u>
------------------------------	----------------------



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	VND
				Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	243.944.625.063	6.285.240.882	748.308.995	250.978.174.940
Giảm do thanh lý công ty con	-	(910.578.140)	-	(910.578.140)
Thanh lý	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	243.944.625.063	5.314.662.742	748.308.995	250.007.596.800
<b>Trong đó:</b>				
Đã hao mòn hết	1.098.000.000	951.198.500	-	2.049.198.500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	23.490.486.981	2.734.665.803	372.756.270	26.597.909.054
Hao mòn trong Kỳ	2.875.738.019	183.665.490	18.302.382	3.077.705.891
Giảm do thanh lý công ty con	-	(444.155.706)	-	(444.155.706)
Thanh lý	-	(13.333.336)	-	(13.333.336)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	26.366.225.000	2.460.842.251	391.058.652	29.218.125.903
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	220.454.138.082	3.550.575.079	375.552.725	224.380.265.886
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	217.578.400.063	2.853.820.491	357.250.343	220.789.470.897
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 26)	72.866.292.142	-	-	72.866.292.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>VND</i> <i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	76.239.127.101
Giảm do thanh lý công ty con	<u>(66.066.859.301)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>10.172.267.800</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	35.948.285.059
Khấu hao trong kỳ	721.603.719
Giảm do thanh lý công ty con	<u>(34.554.268.456)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>2.115.620.322</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>40.290.842.042</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>8.056.647.478</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở bất động sản đầu tư hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

*Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư*

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	7.486.579.692	5.002.789.611
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.192.673.881	329.409.504

**16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 7.721.013.148 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 7.162.508.831 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự án Khu du lịch Dốc Lết	196.211.977.774	186.844.719.322
Dự án Resort TTC Kê Gà	33.933.135.355	32.656.947.855
Dự án sáp nhập Khu du lịch Thung lũng tình yêu – Đồi Mộng Mơ – Đồi Thống Nhất	26.155.094.589	26.155.094.589
Dự án Công viên Giải trí Phú Quốc	1.470.947.836	1.710.947.836
Khác	12.901.335.733	13.568.595.940
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>270.672.491.287</u></b>	<b><u>260.936.305.542</u></b>

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	141.685.898.066	89.379.737.772
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	66.121.810.000	66.583.539.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>207.807.708.066</u></b>	<b><u>155.963.276.863</u></b>

**18.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình") (Thuyết minh số 4)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	54.445.512.416	40,76	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú ("Tà Cú")	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và nhà hàng	40.994.516.089	40,02	41.520.064.114	40,02
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Bến Tre")	Đang hoạt động	Nhà hàng	21.664.810.178	20,75	21.433.021.527	20,75
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Vinagolf Angkor")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	15.945.678.542	49,00	16.966.458.803	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ("Đồng Thuận")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	8.635.380.841	20,06	9.460.193.328	20,06
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>141.685.898.066</u></b>		<b><u>89.379.737.772</u></b>	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

	Vinagolf Angkor	Tà Cú	Bến Tre	Đồng Thuận	Thanh Bình	VND Tổng cộng
<b>Giá gốc đầu tư:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	24.772.623.055	41.909.022.582	22.270.650.530	9.852.071.559	-	98.804.367.726
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	54.445.512.416	54.445.512.416
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	24.772.623.055	41.909.022.582	22.270.650.530	9.852.071.559	54.445.512.416	153.249.880.142
<b>Phản lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(7.806.164.252)	(388.958.468)	(837.629.003)	(391.878.231)	-	(9.424.629.954)
Phản lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(1.020.780.261)	(525.548.025)	231.788.651	(824.812.487)	-	(2.139.352.122)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(8.826.944.513)	(914.506.493)	(605.840.352)	(1.216.690.718)	-	(11.563.982.076)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	16.966.458.803	41.520.064.114	21.433.021.527	9.460.193.328	-	89.379.737.772
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	15.945.678.542	40.994.516.089	21.664.810.178	8.635.380.841	54.445.512.416	141.685.898.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ ăn uống	66.000.000.000	2,2	66.000.000.000	2,2
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và xây dựng	-	-	461.729.091	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ (*)	Đang hoạt động	Kinh doanh đồ uống	121.810.000	-	121.810.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>66.121.810.000</b>		<b>66.583.539.091</b>	

(\*) Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

VND

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	27.326.591.985
Thanh lý	(5.665.574.877)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>21.661.017.108</u>
------------------------------	-----------------------

**Giá trị phân bổ lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(7.796.664.212)
Phân bổ trong kỳ	(1.370.033.977)

Giảm do thanh lý công ty con	2.407.869.325
------------------------------	---------------

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(6.758.828.864)</u>
------------------------------	------------------------

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>19.529.927.773</u>
-------------------------------	-----------------------

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>14.902.188.244</u>
------------------------------	-----------------------

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 35</i> )	12.847.667.942	11.226.973.960
Các bên khác	18.914.248.403	29.992.424.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.761.916.345</u></b>	<b><u>41.219.398.470</u></b>

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 35</i> )	19.097.877.002	4.787.766.003
Các bên khác	15.904.861.429	15.227.504.067
<i>Bà Huỳnh Thị Loan</i>	5.657.530.000	4.771.440.000
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masterise</i>	3.400.000.000	-
<i>Agoda Pte., Ltd</i>	2.467.840.654	3.292.813.803
<i>Khác</i>	4.379.490.775	7.163.250.264
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.002.738.431</u></b>	<b><u>20.015.270.070</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải trả</b>					
Thuế giá trị gia tăng	4.058.951.541	16.860.446.011	(14.915.591.338)	(742.845.496)	5.260.960.718
Thuế tài nguyên	3.845.175	5.524.658.854	(155.340.903)	(1.898.981.898)	3.474.181.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.751.047.997	3.303.181.556	(3.977.665.403)	-	2.076.564.150
Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.461.569	30.216.132	(38.023.853)	-	8.653.848
Thuế thu nhập cá nhân	170.324.818	737.129.454	(904.317.219)	-	3.137.053
Thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	157.934.400	-	-	157.934.400
Thuế khác	63.301.823	115.192.105	(133.978.529)	-	44.515.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.063.932.923</b>	<b>26.728.758.512</b>	<b>(20.124.917.245)</b>	<b>(2.641.827.394)</b>	<b>11.025.946.796</b>
<b>Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	15.502.709.407	6.047.871.406	(16.497.937.246)	-	5.052.643.567
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.631.240	68.711.661	(440.814.369)	(1.674.256.534)	75.271.998
Thuế tài nguyên	200.000.000	-	(200.000.000)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.100.592	-	-	(5.100.592)	-
Thuế thu nhập cá nhân	178.158.794	1.090.196.978	(1.123.739.891)	(35.760.319)	108.855.562
Thuế khác	126.643.750	58.101.841	(120.941.323)	-	63.804.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.134.243.783</b>	<b>7.264.881.886</b>	<b>(18.383.432.829)</b>	<b>(1.715.117.445)</b>	<b>5.300.575.395</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trích trước chi phí công trình	9.282.737.312	9.282.737.312
Chi phí thuê đất	6.591.552.300	3.285.244.800
Chi phí lãi vay	6.129.078.846	6.466.541.445
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.643.829.279	946.515.437
Lương tháng 13	1.181.794.333	2.219.379.181
Khác	3.381.611.567	688.672.010
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>28.210.603.637</u></b>	<b><u>22.889.090.185</u></b>

**24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>972.077.417</b>	<b>1.254.025.085</b>
Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng và văn phòng	650.909.061	905.436.541
Doanh thu chưa thực hiện về dịch vụ lưu trú	321.168.356	337.224.907
Khác	-	11.363.637
<b>Dài hạn</b>	<b>12.805.276.668</b>	<b>13.117.756.416</b>
Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng và văn phòng	12.805.276.668	13.117.756.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.777.354.085</u></b>	<b><u>14.371.781.501</u></b>

**25. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.921.704.500</b>	<b>24.091.416.026</b>
Nhận ký quỹ	12.695.744.590	8.007.744.590
Chi phí lãi vay	7.666.096.364	6.092.415.562
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	5.214.130.362	3.757.077.967
Phí phục vụ	2.607.110.693	2.379.130.521
Kinh phí công đoàn	1.013.593.838	817.564.593
Cổ tức phải trả	546.431.648	1.001.579.023
Khác	3.178.597.005	2.035.903.770
<b>Dài hạn</b>	<b>2.294.200.000</b>	<b>7.532.200.000</b>
Nhận ký quỹ	2.294.200.000	7.532.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.215.904.500</u></b>	<b><u>31.623.616.026</u></b>



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	Phân loại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>328.521.134.403</b>	<b>230.761.770.381</b>	<b>(269.293.211.720)</b>	<b>(3.278.210.996)</b>	<b>111.544.434.746</b>	<b>398.255.916.814</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.1)	192.098.448.220	218.649.638.336	(218.260.251.064)	(3.278.210.996)	-	189.209.624.496
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	23.900.000.000	10.150.000.000	(6.200.000.000)	-	1.000.000.000	28.850.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 26.2)	25.200.000.000	-	-	-	40.429.000.000	65.629.000.000
Vay thấu chi ngân hàng Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 26.3)	570.194.974	1.962.132.045	(1.052.231.918)	-	-	1.480.095.101
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 26.4)	83.431.884.989	-	(41.133.174.474)	-	53.693.264.857	95.991.975.372
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	2.064.502.308	-	(2.019.502.308)	-	15.794.117.933	15.839.117.933
	1.256.103.912	-	(628.051.956)	-	628.051.956	1.256.103.912
<b>Vay dài hạn</b>	<b>509.922.292.019</b>	<b>113.372.590.383</b>	<b>(38.862.611.641)</b>	<b>-</b>	<b>(111.544.434.746)</b>	<b>472.887.836.015</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.3)	436.002.262.352	25.683.224.197	(353.591.816)	-	(53.693.264.857)	407.638.629.876
Vay các bên khác (Thuyết minh số 26.4)	71.768.601.128	65.789.366.186	(32.909.019.825)	-	(56.223.117.933)	48.425.829.556
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 35)	1.000.000.000	21.900.000.000	(5.600.000.000)	-	(1.000.000.000)	16.300.000.000
Nợ thuế tài chính	1.151.428.539	-	-	-	(628.051.956)	523.376.583
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>838.443.426.422</b>	<b>344.134.360.764</b>	<b>(308.155.823.361)</b>	<b>(3.278.210.996)</b>	<b>-</b>	<b>871.143.752.829</b>

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	64.340.976.337	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2021 đến ngày 16 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6 đến 8,2	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 2	8.055.020.214	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2021 đến ngày 7 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6 đến 7,4	Quyền sử dụng đất và các công trình, vật kiến trúc tọa lạc tại Khu phố 14, Phường Phú Mỹ, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Khoản vay 3	3.482.785.918	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2021 đến ngày 28 tháng 10 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6 đến 7,7	
Khoản vay 4	11.588.649.127	Ngày 30 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	7	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu bất động sản và các tài sản gắn liền với Giấy phép quyền sử dụng đất số V 364105 ngày 30 tháng 10 năm 2017
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	34.882.695.071	Ngày 14 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6,14 đến 7,5	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu bất động sản và các tài sản gắn liền với Giấy phép quyền sử dụng đất số CH 546660 ngày 17 tháng 11 năm 2017.
Khoản vay 2	19.874.009.359	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6,2	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa</b>					
Khoản vay 1	11.916.633.432	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6,5 đến 7,0	Phương tiện vận chuyển, quyền sử dụng đất, vật kiến trúc và nhà cửa thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty thuộc sở hữu của Công ty TNHH Du lịch TTC (“DL TTC”)
Khoản vay 2	1.627.320.385	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2021 đến ngày 11 tháng 9 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6,5 đến 7,0	
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận</b>					
Khoản vay 1	12.138.788.246	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2021 đến ngày 23 tháng 11 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 7,0 đến 7,7	Quyền sử dụng đất và các công trình kiến trúc thuộc sở hữu của DL TTC; và 1.800.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú (“DL Tà Cú”)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định</b>					
Khoản vay 1	21.302.746.407	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 đến ngày 22 tháng 2 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,2	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>189.209.624.496</b>				

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.2 Vay ngắn hạn từ các bên khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín</b>					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10,5	Tín chấp
Bà Tạ Phương Trang	21.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10,75	Tín chấp
Nhân viên Công ty	19.429.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10,75	Tín chấp
Ông Trần Long Hải	3.000.000.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	10,00	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.629.000.000</b>				

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	14.464.040.619	Ngày 19 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	11,5	
Khoản vay 2	10.483.380.785	Từ ngày 19 tháng 6 năm 2025 đến 29 tháng 10 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	11,5	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 3	1.607.106.750	Ngày 22 tháng 4 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	11,5	
<b>Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình</b>					
Khoản vay 1	1.588.950.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2021 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,9	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	287.000.000	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2021 đến ngày 17 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,9	Phương tiện vận tải

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	1.613.733.312	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 9 tháng 2 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	7,9	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	263.679.982	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,5	Phương tiện vận tải
Khoản vay 3	99.000.018	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 29 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	7,9	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	141.601.855.133	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Tài trợ công trình dự án vé 250k	8,1	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu bất động sản và các tài sản khác, máy móc thiết bị, phương tiện giao dịch và quyền sở hữu tài sản của Dự án sáp nhập khu du lịch tại Trung lộ Nguyễn Huệ - Đồi Mỡ Mỡ - Đồi Thống Nhất
Khoản vay 2	459.252.321	Ngày 3 tháng 7 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6,2	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Khoản vay 3	291.019.043	Ngày 16 tháng 7 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6,2	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. VAY (tiếp theo)

#### 26.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa</b>					
Khoản vay 1	155.082.232.998	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2021 đến ngày 23 tháng 11 năm 2028	Tài trợ dự án Dốc Lét	8,7	Phương tiện vận tải; và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
Khoản vay 2	66.440.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2025	Tài trợ dự án Resort TTC Kê Gà	10,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của TTP BT
Khoản vay 3	36.401.609.967	Từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 đến ngày 13 tháng 12 năm 2022	Tài trợ dự án Khách sạn Michella	10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
Khoản vay 4	21.747.107.310	Từ ngày 13 tháng 10 năm 2021 đến ngày 16 tháng 1 năm 2026	Tài trợ vốn lưu động	10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
Khoản vay 5	9.767.881.028	Từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 đến ngày 12 tháng 3 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	8,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
Khoản vay 6	3.262.904.973	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày 19 tháng 7 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
Khoản vay 7	270.000.000	Từ ngày 1 tháng 9 năm 2021 đến ngày 13 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10	Phương tiện vận tải

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận</b>					
Khoản vay 1	35.949.851.009	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tài trợ dự án TTC Palace Bình Thuận	0,1	Nhà cửa và vật kiến trúc thuộc quyền sở hữu của DL TTC
Khoản vay 2	1.950.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Mua 800.000 cổ phiếu TTC Tà Cú	0,1	Nhà cửa và vật kiến trúc hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của DLTTC

**TỔNG CỘNG** **503.630.605.248**

Trong đó:

Vay dài hạn

đến hạn trả

Vay dài hạn



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. VAY (tiếp theo)

### 26.4 Vay dài hạn các bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ nhân viên	44.772.563.782	Từ ngày 19 tháng 12 năm 2021 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023	10,75	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Bà Nguyễn Thanh Bình	12.492.383.707	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2022 đến ngày 6 tháng 1 năm 2023	10,75	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Quế	7.000.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2022	10,75	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.264.947.489</b>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 15.839.117.933  
Vay dài hạn 48.425.829.556

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 27.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	926.666.080.000	91.224.060.536	58.076.575.878	59.717.448	6.749.515.451	(45.213.824.289)	1.367.003.263	1.038.929.128.287
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	46.100.000.000	7.837.000.000	-	-	-	-	-	53.937.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	-	-	-	(110.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	55.055.538.157	-	55.055.538.157
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(29.556.433)	-	(29.556.433)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	5.271.419.099	-	5.271.419.099
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	12.126.450	-	-	-	12.126.450
Phân loại lại	-	30.508.805.878	(30.508.805.878)	-	-	-	-	-
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>972.766.080.000</b>	<b>129.459.866.414</b>	<b>27.567.770.000</b>	<b>71.843.898</b>	<b>6.749.515.451</b>	<b>15.083.576.534</b>	<b>1.367.003.263</b>	<b>1.153.065.655.560</b>

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 27.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	972.766.080.000	106.459.866.414	27.567.770.000	48.820.178	6.749.515.451	2.807.090.284	1.367.003.263	1.117.766.145.590	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	476.999.580	-	476.999.580	
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(9.000.000.000)	-	-	-	-	(9.000.000.000)	
Chênh lệch tỷ giá hối đổi	-	-	-	(27.683.420)	-	-	-	(27.683.420)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	21.136.758	6.749.515.451	3.284.089.864	1.367.003.263	1.109.215.461.750	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**27.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	972.766.080.000	926.666.080.000
Tăng trong kỳ	-	46.100.000.000
Số cuối kỳ	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>362.500</b>	<b>910.000</b>

**27.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**27.4 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	476.999.580	55.055.538.157
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	476.999.580	55.055.538.157
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>97.276.608</u>	<u>97.200.199</u>
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5</b>	<b>566</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**27.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	31.985.117.043	17.442.987.684
Lợi nhuận thuần trong kỳ	(65.637.741)	1.766.957.576
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con	(31.749.777.619)	13.616.604.741
Thù lao Hội đồng quản trị	-	(5.443.567)
Số cuối kỳ	<u>169.701.683</u>	<u>32.821.106.434</u>

**28. DOANH THU**

**28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	113.657.031.374	239.620.499.699
Doanh thu thuần về bán hàng	10.505.677.460	7.183.926.934
Doanh thu thuần về cho thuê hoạt động	7.486.579.692	5.410.400.350
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	-	452.929.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>131.649.288.526</u></b>	<b><u>252.667.756.276</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	126.507.181.577	209.950.060.721
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	5.142.106.949	42.717.695.555

**28.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi do thanh lý công ty con (Thuyết minh số 4)	83.886.958.962	92.478.011.842
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.545.834.407	4.857.908.050
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	153.436	13.199.446
Cổ tức được chia	126.677.100	-
Khác	4.088.165	2.773.819
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>89.563.712.070</u></b>	<b><u>97.351.893.157</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	120.067.842.534	193.312.550.381
Giá vốn hàng bán	8.225.772.938	5.197.389.854
Giá vốn cho thuê hoạt động	1.192.673.881	448.895.724
Giá vốn hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	-	405.885.771
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>129.486.289.353</u></b>	<b><u>199.364.721.730</u></b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	31.144.014.969	30.928.692.675
Phí tư vấn thanh lý công ty con	5.897.500.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	164.966	2.981.911
Khác	773	79.924
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.041.680.708</u></b>	<b><u>30.931.754.510</u></b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>8.971.763.569</b>	<b>9.828.833.792</b>
Chi phí nhân viên	5.239.955.288	6.309.856.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.085.688.064	796.340.865
Chi phí quảng cáo	547.500.000	967.493.188
Chi phí khấu hao và hao mòn	43.748.184	129.361.849
Khác	1.054.872.033	1.625.781.027
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>38.939.564.949</b>	<b>50.713.933.477</b>
Chi phí nhân viên	24.119.419.237	30.936.146.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.672.873.116	3.933.048.156
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	3.561.774.878	7.086.185.030
Khác	7.585.497.718	8.758.553.991
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.911.328.518</u></b>	<b><u>60.542.767.269</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>426.018.273</b>	<b>8.771.268.521</b>
Xóa nợ phải trả	-	8.132.628.894
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	15.501.772	44.785.089
Khác	410.516.501	593.854.538
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.188.095.608</b>	<b>572.898.521</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	130.044.945
Các khoản phạt	427.142.612	128.169.798
Khác	760.952.996	314.683.778
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(762.077.335)</b>	<b>8.198.370.000</b>

**33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	64.637.219.694	105.858.434.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.674.367.771	46.272.636.506
Chi phí nguyên vật liệu	24.661.508.944	46.969.523.777
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 12, 13, 14, 15 và 19)	23.105.971.207	31.253.219.964
Giá vốn hàng bán	3.738.269.762	7.063.920.435
Chi phí khác	18.580.280.493	22.489.753.866
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>177.397.617.871</b>	<b>259.907.488.999</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ một chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty TNHH TTC Tourist – TTC Resort Premium – Dốc Lết (“CN Dốc Lết”) áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và với mức thuế suất thông thường theo quy định hiện hành cho những năm tiếp theo. CN Dốc Lết được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi CN Dốc Lết có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**34.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.927.609.622	8.857.644.752
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(624.428.066)	-
Chi phí (thu nhập) TNDN hoãn lại	157.729.165	(315.144.516)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.460.910.721</u></b>	<b><u>8.542.500.236</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>3.872.272.560</u></b>	<b><u>65.364.995.969</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	988.066.500	13.136.926.237
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.828.115.007	2.138.526.650
Cổ tức được chia	(25.335.420)	-
Phần lỗ từ công ty liên kết	223.714.372	402.755.991
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	759.803.904	395.849.221
Lỗ năm trước chuyển sang	(659.119.835)	(5.800.023.460)
Chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu các năm trước	(624.428.067)	47.351.234
Khác	(29.905.740)	(1.778.885.637)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.460.910.721</u></b>	<b><u>8.542.500.236</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**34.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
			<i>VND</i>	
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	1.810.769.943	1.810.769.943	-	-
Khác	1.187.134.679	1.197.448.564	(10.313.885)	(11.131.726)
	<u>2.997.904.622</u>	<u>3.008.218.507</u>		
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh	26.343.081.098	26.515.665.818	(172.584.720)	(172.584.720)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	4.993.230.410	4.993.230.410	-	-
Chi phí phải trả	320.000.000	-	320.000.000	-
Khác	(1.676.459.366)	(1.676.459.366)	-	(153.691.522)
	<u>29.979.852.142</u>	<u>29.832.436.862</u>	<u>147.415.280</u>	<u>(326.276.242)</u>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>	<u>(26.981.947.520)</u>	<u>(26.824.218.355)</u>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<u>(157.729.165)</u>	<u>315.144.516</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.4 Lỗi chuyển sang các năm sau**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 61.980.366.944 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 110.302.702.081 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
2014	2019	21.265.855.397	-	(21.265.855.397)	-
2015	2020	18.602.406.658	(5.986.847.598)	(12.615.559.060)	-
2016	2021	15.924.347.506	(859.041.530)	-	15.065.305.976
2017	2022	18.064.543.734	(4.253.994.427)	-	13.810.549.307
2018	2023	27.115.518.336	(11.905.865.863)	-	15.209.652.473
2019	2024	25.586.229.269	(12.107.245.159)	-	13.478.984.110
2020	2025	2.510.994.187	-	-	2.510.994.187
2021	2026	1.904.880.891	-	-	1.904.880.891
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>130.974.775.978</b>	<b>(35.112.994.577)</b>	<b>(33.881.414.457)</b>	<b>61.980.366.944</b>

Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ chuyển sang các năm sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chuyển nhượng cổ phần	117.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay Lãi cho vay Bán hàng hóa Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ Dịch vụ lưu trú Dịch vụ bán vé máy bay	98.000.000.000 1.740.987.668 78.504.546 1.980.000 1.843.636 603.637 -	- 122.727 36.323.362 - 56.762.172 799.832.051 -
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Lãi cho vay Bán hàng hóa Chi phí môi giới bán cổ phiếu Cho vay Doanh thu từ BCC Dịch vụ lưu trú Dịch vụ khác Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.045.283.500 1.976.489.206 1.485.956.878 822.500.000 800.000.000 286.799.887 32.424.243 31.362.121 710.909	- - - - - - - - -
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Chi phí môi giới bán cổ phiếu Mua dịch vụ Lãi vay Lãi cho vay Dịch vụ khác Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.229.351.650 1.750.000.000 1.187.530.364 492.008.218 44.630.138 40.172.404 8.538.960	- - - - - - -

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Chi phí lãi vay Lãi cho vay Dịch vụ khác Dịch vụ lưu trú Cung cấp dịch vụ	1.140.522.758 798.479.453 674.807.672 58.946.392 41.275.758 15.884.847	- 411.463.644 - 1.727.273 - -
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Phí khác Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ Dịch vụ lưu trú Dịch vụ khác Lãi cho vay Cho vay	218.181.816 159.497.466 54.400.002 4.216.798 125.368 -	- - 452.273.226 29.603.031 74.208.205 4.325.243.759 3.550.939.178 409.321.999 257.932.540
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ bán vé máy bay Dịch vụ nhà hàng	- -	- -
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa Lãi vay	151.030.224 48.101.370	- 19.561.643
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Dịch vụ lưu trú Dịch vụ khác Dịch vụ bán vé máy bay Dịch vụ môi giới Dịch vụ nhà hàng Chuyển nhượng cổ phần	133.150.038 70.551.309 189.557.047 - - -	- 117.431.416 185.308.836 133.669.906 40.000.000.000 210.389.083 77.059.533.333

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND
Phụ cấp, lương và thưởng	3.869.986.845	8.084.437.607	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND
---------------	-------------	--------------------	-----------------------------	------------------------------	-----

#### Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh (Thuyết minh số 4)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chuyển nhượng cổ phiếu trong công ty con	117.950.000.000	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	5.333.810.331	3.020.420.913	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.096.641.375	842.742.141	
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	574.023.545	620.434.111	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	131.635.500	99.815.100	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	123.255.000	83.209.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoff Angkor	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	101.130.000	101.130.000	
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	48.167.000	576.240.801	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	73.800	-	

**125.358.736.551**      **5.343.992.066**

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	19.400.000.000	19.400.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	325.779.000	325.779.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	38.100.104
			<b>19.725.779.000</b>	<b>19.763.879.104</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	37.720.000.000	33.920.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cho vay	-	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	-	-
			<b>50.320.000.000</b>	<b>52.220.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Chi hộ	2.222.111.700	75.657.918
		Doanh thu hợp tác kinh doanh	2.029.651.353	1.714.171.477
		Lãi cho vay	2.340.074.851	399.607.893
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Chi hộ	811.885.000	115.574.795
		Lãi cho vay	790.382.467	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty trong cùng Tập Đoàn	Chi hộ	1.311.413.535	5.326.027
		Lãi cho vay	26.630.137	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Chi hộ	77.834.480	-

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
VND				
<b>Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	21.369.867	21.369.863
Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	-	8.272.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi hộ	-	510.308.473
		Lãi cho vay	-	84.850.685
			<b>9.631.353.390</b>	<b>2.935.139.859</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Công đồng lớn	Cho vay	-	31.200.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cho vay	900.000.000	18.000.000.000
			<b>900.000.000</b>	<b>49.200.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	6.263.767.549	292.008.050
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	2.842.690.237	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	1.668.720.575	3.360.783.329
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.414.528.000	4.717.143.500
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	625.205.481	625.205.481
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	15.666.500	2.227.590.000
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	17.089.600	4.243.600
			<b>12.847.667.942</b>	<b>11.226.973.960</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>VND</b>				
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	14.339.652.499	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.527.529.243	27.948.421
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.226.477.082	1.259.817.582
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.799.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Cung cấp dịch vụ	419.178	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	3.500.000.000
			<b>19.097.877.002</b>	<b>4.787.766.003</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi chậm nộp Khác	2.976.524.407	2.943.970.898
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi vay	392.095.556	542.095.556
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	961.903.015	163.423.562
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Lãi vay	580.210.957	74.739.726
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Lãi vay	267.018.824	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Lãi vay	28.405.000	7.055.000
		Thu hộ	7.972.603	25.793.225
			<b>5.214.130.362</b>	<b>3.757.077.967</b>



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Vay	14.000.000.000	14.700.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Vay	8.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Vay	5.600.000.000	9.200.000.000
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	1.000.000.000	-
			<b>28.850.000.000</b>	<b>23.900.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Vay	16.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	-	1.000.000.000
			<b>16.300.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36 CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	3.836.508.184	5.280.776.184
Từ 1 – 5 năm	11.598.578.190	11.803.070.190
Trên 5 năm	46.247.433.891	47.719.185.589
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>61.682.520.265</u></b>	<b><u>64.803.031.963</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	629.462.130	10.070.712.907
Từ 1 – 5 năm	1.261.171.929	6.372.780.159
Trên 5 năm	-	399.300.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.890.634.059</u></b>	<b><u>16.842.793.066</u></b>

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có khoản cam kết 434.531.224.740 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 443.898.483.192 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

***Cam kết góp vốn***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền 104.130.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**37. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nợ khó đòi đã xử lý		
Công ty TNHH Nhà hàng Viễn Đông	955.675.405	955.675.405
Ông Huỳnh Bá Phụng	235.000.559	235.000.559
Ông Ngô Đình Long	207.057.168	207.057.168
Công ty TNHH XNK Nông sản Hồng Ân	159.085.000	159.085.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Sài Gòn Quốc tế	141.999.500	141.999.500
Nhà máy điện Hậu Giang	89.430.165	89.430.165
Ông Trần Ngọc Nam	86.575.232	86.575.232
Công ty Cổ phần Asiabooking	62.234.000	62.234.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Đế Vương	156.606.000	156.606.000
Khác	1.150.965.113	1.150.965.113
Ngoại tệ các loại		
USD	21.599,00	22.502,08

**38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Trần Văn Hiếu Thuận  
General Director



Ngày 25 tháng 8 năm 2021